TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/DS-PT
Ngày 21 - 7 – 2022
V/v tranh chấp chia tài sản chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hùng**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Thanh Dũng**

Bà **Nguyễn Lệ Kiều**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhỏ** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc *"Tranh chấp chia tài sản chung"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn*:

1. Bà **Lê Thị Y**, sinh năm 1955; địa chỉ: ấp H, thị trấn Ph, huyện L, tỉnh B. *(có mặt)*

2. Bà **Lê Thị Ch**, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp L, thị trấn Ph, huyện L, tỉnh B. *(có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị ch: Luật sư **Lương Thị Hồng Mơ** – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu. *(có mặt)*

3. Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp L, thị trấn Ph, huyện L, tỉnh B. *(có mặt)*

4. Bà **Lê Thị Đ**, sinh năm 1949; địa chỉ: số 59, Khóm 1, Phường 5, thành phố B, tỉnh B. *(có mặt)*

- *Đồng bị đơn:*

1. Bà **Phan Thị D**, sinh năm 1956 *(có mặt)*

2. Ông **Lê Văn Kh**, sinh năm 1958 (chết năm 2019)

Cùng địa chỉ: ấp L, thị trấn Ph, huyện L, tỉnh B.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Kh:

1. Bà **Phan Thị D**, sinh năm 1956 *(có mặt)*

2. Chị **Lê Thị Lệ Th**, sinh năm 1990

3. Anh **Lê Hiệp Th**, sinh năm 1997 *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: ấp L, thị trấn Ph, huyện L, tỉnh Bạc L.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th, anh Th: Bà **Phan Thị D**, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp L, thị trấn Ph, huyện L, tỉnh B. *(có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị D: Ông **Huỳnh Văn Vàng**– Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu. *(có mặt)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Ủy ban nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu**

Địa chỉ: ấp Hành Chính, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Văn Tần** – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phước Long. *(xin vắng mặt)*

2. **Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Long, huyện L**

Địa chỉ: ấp Long Thành, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh Văn T** – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Ph. *(xin vắng mặt)*

3. **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam**

Trụ sở: số 02, đường Láng Hạ, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H** – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh L. *(xin vắng mặt)*

4. Bà **Lê Thị Ph**, sinh năm 1950; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh B. *(vắng mặt)*

5. Chị **Lê Thị Lệ Th**, sinh năm 1990

6. Anh **Lê Hiệp Th**, sinh năm 1997 *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: ấp L, thị trấn Ph, huyện L, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th, anh Th: Bà **Phan Thị D**, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp L, thị trấn Ph, huyện L, tỉnh B. *(có mặt)*

7. Bà **Phan Thị D**, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp P, xã L, huyện H, tỉnh B. *(vắng mặt)*

8. Ông **Lê Thanh H**, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp L, thị trấn Ph, huyện L, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà **Phan Thị D**, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp P, xã L, huyện H, tỉnh B. *(vắng mặt)*

9. Ông **Lê Văn Th** (chết năm 1988)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh B.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Th:

9.1. **Lê Thị Bích V** (**Lê Thị D**) *(vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện L, tỉnh B.

9.2. Bà **Phạm Thị Kh**, sinh năm 1946 *(xin vắng mặt)*

9.3. Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1965 *(xin vắng mặt)*

9.4. Bà **Lê Kim Gi**, sinh năm 1973 *(xin vắng mặt)*

9.5. Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1982 *(xin vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện L, tỉnh B.

9.6. Chị **Lê Thị H**; địa chỉ: ấp P, xã L, huyện H, tỉnh B. *(vắng mặt)*

- *Người kháng cáo:* Đồng nguyên đơn bà Lê Thị Y, bà Lê Thị Ch, bà Lê Thị L và bà Lê Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2016, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đồng nguyên đơn bà Lê Thị Ch, bà Lê Thị Y, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Đ thống nhất trình bày:

Cha mẹ của các bà là cụ Lê Văn Th (chết năm 1979) và cụ Nguyễn Thị Ng (chết năm 1987) có tất cả 07 người con ruột tên Lê Văn Th (chết năm 1998), Lê Thị Ph, Lê Thị Ch, Lê Thị Y, Lê Thị L, Lê Thị Đ và Lê Văn Kh, ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác. Khi cha mẹ chết để lại phần đất diện tích 20.300m^2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cha mẹ chết không để lại di chúc và phần đất này chưa được phân chia, mà do vợ chồng ông Kh, bà D quản lý. Nay, các nguyên đơn yêu cầu phân chia tài sản chung diện tích 3.400m^2 (thực đo 1.562,2m^2) tại thửa 260 cho 04 người là bà Ch, bà L, bà Y, bà Đ.

Tại đơn khởi kiện ngày 06/11/2017, bà Ch yêu cầu chia thêm 02 phần đất do cha mẹ chết để lại có diện tích 16.900m^2 làm 05 phần cho 05 người là bà Ch, bà L, bà Y, bà Đ và ông Kh.

Bà D là người đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cả 03 phần đất nêu trên. Khi ông Kh đi chấp hành án thì ông Thọ đưa bà D đi đăng ký làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi cha mẹ chết cho đến năm 2014, các anh chị em trong gia đình không có ai yêu cầu chia phần di sản của cha mẹ để lại. Năm 2014, các nguyên đơn nghe được là vợ chồng ông Kh hiến 01 phần đất tại thửa 260 cho Nhà nước để xây dựng Trụ sở nhà văn hóa ấp Long Hải; mặt khác giữa ông Kh và bà Ch thường xảy ra mâu thuẫn và ông Kh nhiều lần đánh bà Ch; do đó các nguyên đơn mới yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các nguyên đơn yêu cầu chia diện tích đất tại thửa 260, 246 qua đo đạc thực tế có diện tích 1.562,2m^2 và diện tích 14.473,7m^2 làm 05 phần cho bà Ch, bà L, bà Y, bà Đ và ông Kh. Đối với phần đất 5.000m^2 tại thửa 368 thì bà Ch rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết; lý do phần đất này ông Kh đã bán thi hành nghĩa vụ thi hành án. Yêu cầu di dời trụ sở ấp Long Hải để giao phần đất lại cho các nguyên đơn.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đồng bị đơn bà Phan Thị Diện, ông Lê Văn Kh (chết năm 2019) là đồng bị đơn trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống là đúng. Ông Kh là con trai út, từ nhỏ sống chung với cha mẹ; khi cha mẹ lớn tuổi thì là người lao động chính trong nhà. Trước đây, cha mẹ có cho bà Đ 02 công đất,

cho bà L khoảng 03 công; cho bà Ch 02 công; cho ông Thọ 05 công; ông Kh có bán cho bà L khoảng 04-05 công đất. Phần đất còn lại thì cha mẹ để lại cho ông Kh; ông Kh canh tác từ khi cha mẹ chết đến năm 2014 thì anh chị em không ai phản đối và yêu cầu gì. Năm 1993, khi ông Kh đi chấp hành án thì ông giao quyền quản lý đất lại cho bà D, lúc này Nhà nước có chủ trương đăng ký làm quyền sử dụng đất; ông Thọ và chị em trong gia đình thống nhất để bà D đi đăng ký, kê khai đối với diện tích đất do cha mẹ cho và bà D đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số E 0128840 theo Quyết định số 242/QĐ.UB ngày 29/12/1994 của Ủy ban nhân dân huyện Hồng Dân (Cũ) với diện tích 20.300m^2 tại các thửa đất 260, 246, 368, tờ bản đồ số 03. Sau khi biết bà D được cấp Giấy thì các chị em không ai có ý kiến phản đối. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là do vợ chồng ông Kh hiến đất làm Trụ sở ấp. Ông Kh và bà D có 02 người con tên Lê Thị Lệ Th và Lê Hiệp Th. Ông Kh chết nên bà và 02 con là người quản lý đất; bà D đồng ý việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 5.000m^2 tại thửa 368, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia đối với thửa 260, 246.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam vào năm 1996; hiện nay bà D đã trả dứt nợ và đã nhận Giấy về lưu giữ tại nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Ph trình bày: Đồng ý việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 5.000m^2 tại thửa 368. Trường hợp được chia theo quy định pháp luật thì bà Phương đồng ý nhận.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Th là vợ bà Phạm Thị Kh, các con Lê Văn H, Lê Kim Gi, Lê Thị Bích V, Lê Thị H, Lê Thị T trình bày:

Bà Kh xác định khi cha mẹ chồng còn sống có cho vợ chồng bà 05 công đất ruộng, vợ chồng bà sử dụng thêm 02 công đất hương hỏa của gia đình và năm 2000, bà đã trả lại ông Kh 02 công đất này. Bà Kh, anh H, chị Gi, chị T thống nhất trình bày không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án và không đồng ý hưởng phần tài sản nếu được chia cho ông Th. Chị H và chị V xác định đồng ý nhận giá trị nếu ông Th được chia trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thanh H là bà Phan Thị D trình bày:

Năm 1996, ông Kh, bà D thực hiện nghĩa vụ thi hành án do ông Kh đánh chồng bà gây ra nên ông Kh đã giao lại cho vợ chồng bà và vợ chồng bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong vụ án này, vợ chồng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có ý kiến trình bày:

Ngày 02/12/1996 và ngày 02/4/1997, bà D có vay vốn tại Ngân hàng, để đảm bảo khoản vay bà D có thế chấp cho Ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0128840. Đến ngày 24/02/2020, bà D đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng; Ngân hàng đã xóa thế chấp cho bà D. Do đó, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết về hợp đồng tín dụng với bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện L có ý kiến trình bày:

Tại Công văn số 744/UBND ngày 14/5/2019 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Phước Long có nội dung *"diện tích 5.000m^2 thuộc thửa đất 368, tờ bản đồ số 03 vẫn còn do bà Phan Thị D đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp cho bà Phan Thị D theo Quyết định số 242/QĐ.UB ngày 29/12/1994 của UBND huyện H là cấp tập trung không đo đạc thực tế, nguồn gốc đất được Hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thị trấn Ph thông qua ngày 09/8/1993 và được UBND thị trấn Ph xác nhận".* Trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà D được thực hiện đúng quy định tại thời điểm cấp. Đề nghị Tòa án giải quyết nội dung tranh chấp của các đương sự theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thị trấn Ph có ý kiến trình bày:

Ngày 08/12/2012, ông Kh và bà D hiến một phần đất cho Ủy ban nhân dân thị trấn xây dựng trụ sở Nhà văn hóa ấp Long Hải; việc hiến đất có lập biên bản hiến đất đề ngày 08/12/2012, có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Long. Khi hiến đất, bà D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điều kiện hiến đất là để xây dựng nhà văn hóa ấp, khi nào nhà văn hóa không còn sử dụng nữa thì trả đất lại. Giữa vợ chồng ông Kh và Ủy ban nhân dân thị trấn chưa thực hiện thủ tục đăng ký về giao dịch quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân thị trấn nhận đất và đã xây dựng trụ sở ấp xong. Khi xây nhà văn hóa không có ai ngăn cản. Đối với yêu cầu của nguyên đơn đối với phần đất trụ sở nhà văn hóa, thị trấn báo cáo lại cấp trên rồi trao đổi với các nguyên đơn sau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Lê Thị Ch là luật sư Lương Thị Hồng Mơ trình bày:

Hai diện tích 1.562,2m^2 và 14.473,7m^2 do cha mẹ chết để lại, không có di chúc các anh chị em chưa có văn bản xác định chia tài sản chung. Ông Kh chồng bà D xác định do cha mẹ để lại nên được hưởng. Việc bà D đi kê khai không được sự thống nhất của các đồng nguyên đơn nên việc bà D kê khai là không đúng. Xác định đây là di sản của cha mẹ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là trợ giúp viên pháp lý ông Huỳnh Văn Vàng trình bày:

Án sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bác yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn là có cơ sơ. Đất ông Kh được cha mẹ cho trước năm 1993 thì bà D đi đăng ký, kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà L biết bà D đi đăng ký quyền sử dụng đất vào năm 1993, bà L có nói cho các chị em biết. Bà D đã quản lý 27 năm, không có văn bản thỏa thuận tài sản chung. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

- Căn cứ các Điều 5; 26; 34; 35; 39; 91; 92, 147, điểm c khoản 1 Điều 217, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 219, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 238 Bộ luật Dân sự năm 1995;

- Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 về án phí, lệ phí tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, bà Y, bà L, bà Ch yêu cầu ông Kh, bà D chia tài sản chung đối với 02 phần đất tọa lạc tại địa chỉ ấp L, thị trấn Ph, huyện L, tỉnh B do bà D đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0128840 theo Quyết định số 242/QĐ.UB ngày 29/12/1994 của Ủy ban nhân dân huyện Hồng Dân (tuyên tứ cạnh 02 phần đất kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, bà Y, bà L, bà Ch yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0128840 theo Quyết định số 242/QĐ.UB ngày 29/12/1994 của Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà D.

3. Đình chỉ xét xử do bà Ch rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Kh, bà D chia tài sản chung đối với phần đất có diện tích 5.000m^2 tại thửa đất số 368, tờ bản đồ số 03. Địa chỉ ấp L, thị trấn Ph

4. Đối với hợp đồng tín dụng bà D xác lập với Ngân hàng, hiện nay đã giải chấp và Ngân hàng không còn yêu cầu vấn đề gì, do đó không đặt ra xem xét.

Đối với phần đất ông Kh, bà D hiến đất xây dựng trụ sở nhà văn hóa ấp Long Hải; do giải quyết vụ án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền liên quan đến thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 02 năm 2022 và ngày 09 tháng 02 năm 2022, đồng nguyên đơn bà Lê Thị Y, bà Lê Thị Ch, bà Lê Thị L và bà Lê Thị Đ kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của đồng

nguyên đơn bà Lê Thị Y, bà Lê Thị Ch, bà Lê Thị L và bà Lê Thị Đ, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Theo đơn khởi kiện, các đồng nguyên đơn bà Y, bà Ch, bà L và bà Đ yêu cầu chia tài sản chung hiện do vợ chồng ông Kh, bà D đang quản lý, sử dụng, phần đất qua đo đạc thực tế có vị trí và số đo như sau:

- Phần đất thứ nhất:

+ Hướng Đông giáp lộ nông thôn (lộ xi măng 02m hướng kênh Miễu Bà) có cạnh 73,1m;

+ Hướng Tây giáp phần đất bà Ch đang quản lý có cạnh 57m;

+ Hướng Nam giáp lộ nông thôn (kênh Cộng Hòa) có cạnh 33,4m;

+ Hướng Bắc giáp đất anh Lê Văn Tùng (Hoàng) có cạnh 17m.

Tổng diện tích 1.562,2m^2, đất tại thửa số 260, tờ bản đồ số 03 theo bản đồ 299, theo bản đồ 323 tại các thửa 57, 60, 61 tờ bản đồ số 24.

- Phần đất thứ hai:

+ Hướng Đông giáp chị Lê Thị T (Lê Thị Mỹ T) có cạnh 38m;

+ Hướng Tây giáp phần đất Lê Văn Toán đang quản lý có cạnh 60,7m;

+ Hướng Nam giáp phần đất của ông Kh, bà D được ông Đạt cho và giáp đất ông Lê Văn Đạt có cạnh 158,5m + 44,5m + 45m;

+ Hướng Bắc giáp đất ông Lê Văn Hùng có cạnh 242m

Diện tích 14.473,7m^2, đất tại thửa 246, tờ bản đồ số 03 (theo bản đồ 299), đất tại các thửa 186, 192, 181 tờ bản đồ số 04 và thửa 54, 58 tờ bản đồ số 24 (theo bản đồ 323).

[3] Xét kháng cáo của các đồng nguyên đơn về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn, thấy rằng:

Các bên đều thống nhất các phần đất tranh chấp là đất của cha mẹ để lại (cụ Thẩm và cụ Ngọc) và do là con út nên vợ chồng ông Kh, bà D là người trực tiếp quản lý, sử dụng các phần diện tích đất nêu trên cho đến khi phát sinh tranh chấp. Đây là tiết tiết được các bên thừa nhận nên đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự yêu cầu tranh chấp diện tích 700m^2 xác định trụ sở ấp Long Hải nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết là vi phạm nghiêm trọng tố tụng Dân sự.

Theo đơn khởi kiện, các đồng nguyên đơn cho rằng các phần đất trên là di sản của cha mẹ để lại và chưa tặng cho hoặc chưa chia hợp pháp cho người con

nào. Các đương sự yêu cầu chia tài sản chung của cha mẹ để lại, do có sự thay đổi của pháp luật nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Xét thấy đây là di sản thừa kế, theo quy định của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu vẫn còn, khi bà D đi kê khai quyền sử dụng đất thì chưa được sự đồng ý của tất cả các người đồng thừa kế khác. Ủy ban nhân dân xác định cấp đúng trình tự nhưng vào năm 1996 cấp giấy này theo quy trình đăng ký đại trà trong khi nguồn gốc đất không phải của ông Kh, bà D mà là của vợ chồng cụ Thẩm; pháp lệnh về thừa kế đã có hiệu lực từ năm 1990. Nên việc bà D tự đi kê khai đăng ký đối với di sản là quyền sử dụng đất khi chưa có sự đồng thuận của tất cả các người đồng thừa kế là chưa đúng quy định của pháp luật.

Do đó, cấp sơ thẩm xác định đất tranh chấp này phía ông Kh, bà D đã được cha mẹ tặng cho là chưa đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, để xem xét chia di sản là quyền sử dụng đất nêu trên thì cần phải xem xét đến tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sự dụng đất của bà D nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại Điều 34 Bộ luật Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để giao Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý giải quyết lại theo thủ tục chung.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của các đồng nguyên đơn bà Lê Thị Y, bà Lê Thị Ch, bà Lê Thị L và bà Lê Thị Đ; ghi nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu. Yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn được xem xét khi Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý giải quyết lại.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí phúc thẩm: Các đồng nguyên đơn bà Lê Thị Y, bà Lê Thị Ch, bà Lê Thị L và bà Lê Thị Đ không phải chịu theo quy định pháp luật.

[5.2] Án phí sơ thẩm, các chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý theo trình tự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 5; 26; 34; 35; 39; 91; 92, 147, điểm c khoản 1 Điều 217, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 219, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 238 Bộ luật Dân sự năm 1995;
- Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 về án phí, lệ phí tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các đồng nguyên đơn bà Lê Thị Y, bà Lê Thị Ch, bà Lê Thị L và bà Lê Thị Đ.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

2. Giao Toàn bộ hồ sơ để Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

3. Án phí sơ thẩm; Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ sẽ được Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết khi thụ lý sơ thẩm.

4. Án phí phúc thẩm: Các đồng nguyên đơn bà Lê Thị Y, bà Lê Thị Ch, bà Lê Thị L và bà Lê Thị Đ không phải chịu theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh B;
- TAND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Hùng

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Lệ Kiều **Trương Thanh Dũng** **Lê Thanh Hùng**